

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thùy Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Doãn Đức Hùng

Bà Đào Thị Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 772/2020/TLST- HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1993**

Trú tại: Ấp a, xã S Tr, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

**\* Bị đơn: Anh Ngô Duy L, sinh năm 1989**

Trú tại: Ấp T H, xã Đ ab, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

(*Chị H có mặt, anh L vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn – chị Đỗ Thị Thu H, trình bày:**

Chị và anh Ngô Duy L tìm hiểu và về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ ab, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2013.

Quá trình sống chung giữa chị và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi nhau, xúc phạm đến danh dự của nhau và có khi còn xảy ra đánh nhau, kiếm chuyện ghen tuông vô cớ để gây chuyện. Nguyên nhân là do anh L có sử

dụng chất ma túy, gây ra tình trạng ảo giác, có thời gian phải điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Từ đó, anh L không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, lo lắng cho vợ con. Chị đã khuyên bảo anh nhiều lần, cho anh nhiều cơ hội để thay đổi, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Duy L.

*Về con chung:* Chị và anh L có 02 con chung là cháu Ngô Quỳnh Trúc Gi, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Ngô Quỳnh Trúc Nh, sinh ngày 12/5/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

*\* Bị đơn – anh Ngô Duy L, trình bày tại bản tự khai ngày 23/11/2020 (BL 35) thể hiện:* Anh và chị H kết hôn năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống kéo dài, đối xử thiếu tôn trọng nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị Thu H.

*Về con chung:* Anh và chị H có 02 con chung là cháu Ngô Quỳnh Trúc Gi, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Ngô Quỳnh Trúc Nh, sinh ngày 12/5/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:***

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

*Về nội dung vụ án:* Chị Đỗ Thị Thu H và anh Ngô Duy L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ab nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 56 Luật HNGĐ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Ngô Duy L; Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, đề nghị giao 02 con là cháu Ngô Quỳnh Trúc Gi, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Ngô Quỳnh Trúc Nh, sinh ngày 12/5/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng

nuôi con chung; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Bị đơn – anh Ngô Duy L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về yêu cầu khởi kiện:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Ngô Duy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai ngày 09/12/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L, vụ án được thụ lý ngày 05/10/2020 nên áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị H và anh L đều thừa nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống kéo dài, đối xử thiếu tôn trọng nhau. Qua lời khai của người làm chứng là bà Trương Thị L1 (mẹ của chị H, BL 29) thể hiện, cuộc sống chung của chị H và anh L không hạnh phúc, có mâu thuẫn xảy ra do anh L hay ghen tuông vô cớ, không tu chí làm ăn và có sử dụng ma túy khiến cho tinh thần không ổn định, có hành vi bạo lực. Năm 2019, chị H có đưa đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L nhưng lại rút đơn để hàn gắn gia đình song tình trạng mâu thuẫn không được khắc phục mà tiếp tục xảy ra và ngày càng trầm trọng. Nay chị H và anh L đều thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân là có cơ sở, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là cháu Ngô Quỳnh Trúc Gi, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Ngô Quỳnh Trúc Nh, sinh ngày 12/5/2017. Khi ly hôn, chị H và anh L đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị H khai, có đầy đủ các điều kiện về vật chất và tinh thần đều đảm bảo việc nuôi con: Về thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000đ, do là công việc tự do nên đảm bảo thời gian đưa đón các con đi học hoặc có ông bà ngoại phụ giúp khi cần, hiện tại các con chung đều do chị H trực tiếp chăm sóc, có cuộc sống ổn định, lớn lên cùng nhau và phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Anh L đã được triệu tập đến Tòa làm việc để chứng minh các điều kiện chăm sóc con của mình, để hòa giải tranh chấp nhưng anh L đã không chấp hành là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Ngoài ra, Tòa án đã thu thập toàn bộ hồ sơ bệnh án của anh L tại Bệnh viện Tâm thần trung ương 2 cho thấy, năm 2016, anh L có điều trị chứng bệnh rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất gây nghiện. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định cần giao 02 con

chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sẽ đảm bảo hơn cho cuộc sống của hai cháu. Hơn nữa, hai cháu hiện đang ở cùng với chị H, tuổi còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, để tạo điều kiện cho hai cháu ổn định về cuộc sống và ổn định về tâm lý thì việc tạm giao cháu Trúc Gi, Trúc Nh cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.4] Về việc cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.6] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu H đối với anh Ngô Duy L.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Ngô Duy L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Ngô Quỳnh Trúc Gi, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Ngô Quỳnh Trúc Nh, sinh ngày 12/5/2017 cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời, chị H không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Ngô Duy L.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh L không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

**5. Về án phí:** Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005821 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

**6.** Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND x. Đ ab
- (GCNKH số 85 ngày 09/12//2013;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đỗ Thùy Dung**